

QUYỀN 39

Hỏi: Bậc giác vương mở đại giáo dạy chúng ta trở về, đòi mạng pháp các tì-kheo nên tu đạo nơi tứ niệm xứ ý chỉ thế nào ?

Đáp: Đoạn này xuất xứ từ lời dạy sau cùng trong kinh Đại Bát Niết-bàn. Nói chung, giáo tích trước kia đồng với sự chỉ dạy trở về này, vì tứ niệm xứ chính là thân, thọ, tâm, pháp của tất cả chúng sinh mà Tông Cảnh nói đến. Như kinh ghi: “Phật bảo A-nan: Như ông hỏi sau khi Phật niết-bàn, chúng sinh nương vào đâu để trụ ? A-nan, phải an trụ tâm nơi tứ niệm xứ với lòng cung kính. Quán thân tính tướng đồng hư không, gọi là thân niệm xứ. Quán thọ không trụ trong ngoài ở giữa, gọi là thọ niệm xứ. Quán tâm chỉ có tên gọi, tên gọi tính là, gọi là tâm niệm xứ. Quán pháp chẳng được pháp thiện, chẳng được pháp bất thiện gọi là pháp niệm xứ. Nay A-nan, tất cả hạnh cần phải an trụ nơi tứ niệm xứ”.

Lại ghi: “Ví như quốc vương an trụ cõi nước của mình thì thân tâm an lạc; còn nếu ở cõi nước người khác thì bị khổ não. Tất cả chúng sinh cũng thế, nếu trụ nơi cảnh giới của mình thì được an lạc; còn nếu đến cảnh giới của người khác thì gặp ác ma chịu nhiều khổ não. Cảnh giới của mình đó là tứ niệm xứ; cảnh giới của người khác đó là năm dục”.

Kinh Hoa Thủ ghi: “Phật bảo Bạt-đà-bà-la: Khi ấy tất cả thiện nhân nên nghĩ rằng chúng ta phải tự nương theo tứ niệm xứ. Tứ niệm xứ là tất cả các pháp trong Thánh pháp đều gọi là niệm xứ, vì sao ? Vì tất cả các pháp thường trụ tự tính không thể hư hoại, tất cả pháp đều là niệm xứ cho nên biết pháp là tâm, tâm là pháp, thấy đều cùng một tính làm sao có thể hư hoại ? Nếu có hai pháp thì mới hư hoại”.

Kinh Đại Bảo Tích có kệ:

Người được chỗ bất động

Thường trụ nơi vô xứ.

Chỗ bất động là cảnh giới của tự tâm, cảnh giới này không có nơi chốn. Như *kinh Kim Cang Tam-muội* nói: “Tâm vô biên tế chẳng thấy nơi chốn”.

Luận giải thích: “Tâm vô biên tế là trở về nhất tâm nguyên, tâm thể cùng khắp, khắp mười phương nên vô biên, khắp ba đời nên vô tế. Tuy khắp ba đời mà không có xưa nay, tuy khắp mười phương mà không có kia đây, cho nên nói chẳng thấy nơi chốn”.

Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni ghi: “Thế nào là nghĩa niệm ? Phải biết là niệm không chống trái tranh cãi mà như pháp tùy thuận hướng về sự bình đẳng, xa lìa tà niệm không dòi dôi và không dị biệt, chỉ là nhất tâm nhập bất động định. Nếu được như thế gọi là nghĩa niệm. Như ngài Thiên Thai Trí Giả giải thích rộng về đại thừa tiểu thừa và giáo quán nhưng cuối cùng chỉ nói một chương Quán Tâm Luận, ý cũng như thế. Cũng như Tổ sư Mã Minh Bồ-tát giải kinh tạo luận, cuối cùng chỉ tạo ra một quyển lược luận tên là Đại Thừa Khởi Tín Luận nói rằng: “Có Ma-ha-diễn có thể khởi tín căn đại thừa, lập ra hai môn tâm chân như và tâm sinh diệt tổng luận nhất tâm, riêng nói thể dụng. Nếu liễu ngộ đại chỉ nhất tâm này là khởi tín căn đại thừa của tất cả chúng sinh. Nếu người chưa tin dù trải qua vô lượng ức kiếp nỗ lực tu hành cũng không thể vào chính tông của chư Phật, đây là Bồ-tát giả danh. Bởi yếu nghĩa của luận này bao gồm văn nghĩa các bộ luận khác, vì nguồn nước dung chứa muôn dòng thì có gì không tận! Đó cũng là đại ý mà chư Thánh chế tác, cũng là bản hoài của Tông Cảnh, là cái biết của chư Phật, là điều chứng đắc của bậc Hiền, là nơi đầy đủ các đức, là nơi phát huy muôn hạnh, là diệu nghĩa được tuyên thuyết, là cứu cánh hướng về. Tứ niệm xứ này phá trừ tám thứ điên đảo: một bất tịnh cho là tịnh, hai khổ cho là vui, ba vô thường cho là thường, bốn vô ngã cho là ngã, đây là bốn thứ điên đảo của phàm phu và ngoại đạo. Còn bốn thứ điên đảo của Nhị thừa: một tịnh cho là bất tịnh, hai vui cho là khổ, ba thường cho là vô thường, bốn ngã cho là vô ngã. Cho nên tu tứ niệm xứ quán phá trừ tám thứ điên đảo trên. Ở trong đó nhập

niết-bàn là bản hoài của mười phương chư Phật xuất thế, là nơi xả bỏ thân mạng sau rốt trong cứu cánh trở về bí mật tạng, là pháp môn nhất tâm chủ yếu của Tông Cảnh.

Phụ Hành Ký ghi: “Tứ niệm xứ quán là mỗi niệm xứ đều nói về không, giả để phá trừ điên đảo, kế đến đem trung đạo kết thành bí tạng, đầy đủ tự tha, nghĩa gồm đại tiểu, cho nên tứ niệm xứ đều phá trừ điên đảo. Vì sao ? Vì tức không phá trừ chấp thường, nghĩa bao gồm tiểu thừa; vì tức giả phá trừ chấp vô thường, nghĩa bao gồm đại thừa; trung đạo là chính nên nói là nghĩa gồm cả đại tiểu.

Vì tức trung nên song chiếu đại tiểu, song phi đại tiểu tức là song chiếu song phá tám thứ điên đảo. Ba đế tương tức, gồm không trước sau, phá không thứ lớp, tức phá tức lập, tức chiếu tức giả.

Nói về tứ vinh tứ khô, *Kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Hai cây ở phía đông ví với thường vô thường, hai cây ở phía nam ví với lạc vô lạc, hai cây ở phía tây ví với ngã vô ngã, hai cây ở phía bắc ví với tịnh bất tịnh. Vì bốn phương mỗi phương đều có hai cây nên gọi là song thụ. Mỗi phương đều có một cây héo, một cây tươi. Cây tươi ví cho thường lạc ngã tịnh, cây khô ví cho vô thường khổ vô ngã bất tịnh. Như Lai ở giữa nằm đầu xoay về hướng bắc mà nhập niết-bàn biểu thị phi khô phi vinh. Vinh là biểu thị giả, khô là biểu thị không, tức là ở khoảng giữa không giả đó mà nhập bí mật tạng”. Phần sau kinh có ghi: “Hai cây phía đông ở sau Phật, hai cây phía tây ở trước Phật, hai cây phía nam ở dưới chân Phật, hai cây phía bắc ở trên đầu Phật. Sau khi Phật nhập niết-bàn hai cặp cây phía đông tây hợp lại thành một cây; hai cặp cây phía nam bắc cũng hợp lại thành một cây. Hai cây này đều che phủ Như Lai và đều biến thành màu trắng vì bi thương”.

Thường, vô thường v.v... hai mà không hai vì thường lạc ngã tịnh bao trùm pháp giới. Hai cây hợp lại che phủ Như Lai tức là Như Lai khế hợp bí mật tạng, cũng là niệm xứ tịch diệt. Màu trắng là màu căn bản của các màu, thường lạc ngã tịnh xứng hợp bản thể nên gọi là biến thành màu trắng.

Nói về việc Phật hướng đầu về phía bắc, *Tăng Nhất A-hàm* nói: “Cây thiêng biểu thị Phật pháp trụ lâu ở Bắc Thiên Trúc”. Trường A-hàm quyển thứ tư ghi: “Phật bảo A-nan: Ông hãy đặt đầu ta hướng về phía bắc khiến cho Phật pháp trụ mãi không diệt, huông hồ niết-bàn rớt sau chẳng biểu thị bí mật tạng sao?” Nhưng những gì do văn nghĩa trình bày rõ ràng trong giáo môn một thời chẳng qua song thụ, lấy tứ niệm xứ làm pháp môn quán hạnh đầu tiên cho đại thừa tiểu thừa; Phật ân cần di chúc chính là ý này.

Lại chỉ có phàm phu cho thân là tịnh, nói thụ là vui, chấp tâm là thường, cho pháp là ngã. Từ bốn thứ điên đảo này sinh khởi tham ái vô minh, có các hành cho đến lão tử. Khổ tập mênh mông, tám vạn bốn nghìn ngọn lửa phiền não thiêu đốt ngôi nhà năm ấm, cho nên *kinh Pháp Hoa* nói: “Bốn bề cùng một lúc lửa cháy hừng hực”, là dụ cho bốn thứ điên đảo.

Hàng Tiểu thừa tu quán thân bất tịnh để phá trừ chấp tịnh, quán thụ là khổ để phá trừ chấp vui, quán tâm vô thường để phá trừ chấp thường, quán pháp vô ngã để phá trừ chấp ngã. Đây là bởi trước kia mê tâm điên đảo cho rằng thân là thường lạc ngã tịnh rồi khởi các phiền não tham ái. Ngày nay đã quán biết thân là bất tịnh, cho đến khổ, vô thường, vô ngã thì không khởi tham ái vô minh, hành thức cho đến lão tử diệt thì dòng sinh tử nghiêng, biển niết-bàn đầy, tức là tranh nhau xô đẩy ra khỏi nhà lửa, đến nơi vô úy, là nhân duyên khuyên người tiểu hạnh y theo tứ niệm xứ tu đạo.

Tứ niệm xứ của đại thừa quán thân năm ấm sinh tử phi vô phi vinh tức là đại tịch diệt. *Kinh Niết-bàn* nói: “Sắc giải thoát niết-bàn cho đến thức giải thoát niết-bàn”. Nếu tu niệm xứ quán này là quán tất cả chúng sinh trong sáu đường chính là đại niết-bàn thường lạc ngã tịnh, đầy đủ tri kiến Phật, như ngài Thường Bất Khinh thành tựu viên tín.

Kinh nói: “Bồ thí cho kẻ ăn xin hạ tiện nhất trong thành bình đẳng như Nan Thắng Như Lai”. Đây là nào có phân biệt là phước điền hay chẳng phải phước điền, đáng bồ thí hay chẳng đáng bồ thí

? Thế nên niệm xứ quán là hạt giống bình đẳng. Nếu chẳng tu thì thấy sinh tử niết-bàn phàm Thánh khác biệt. Thánh là ruộng tôn kính cần phải ngưỡng mộ cúng dường; phàm là ruộng đáng thương nên chán chê không bố thí. Nếu vào pháp môn niệm xứ, pháp giới nhất tâm bình đẳng thì không còn phân biệt.

Nói về tứ niệm xứ, niệm là tâm quán tuệ, xứ là cảnh trí chiếu, năng sở thâm hợp chỉ là nhất tâm.

Nay y cứ vào tứ niệm xứ quán của Thiên Thai, đại lược nói về tứ niệm xứ của bốn giáo. Tứ cú phân biệt là phi khổ phi lạc kết thành sinh diệt khổ lạc, cho đến phi ngã phi vô ngã kết thành vô ngã là ý của Tam tạng. Nếu phi khổ phi lạc kết thành khổ lạc của vô khổ vô lạc là thuộc về Thông giáo. *Kinh Tịnh Danh* nói: “Thấu rõ ngũ thọ ám là không, chẳng sinh khởi” là rõ được nghĩa khổ, kết thành thọ niệm xứ quán. Như Bát Tịnh Quán trong *Đại Phẩm* thuộc đại thừa đều bất khả đắc. Thế nên với tâm bất tịnh quán sắc, tự nghĩ thân ta chưa thoát khỏi pháp này, chưa khỏi sinh trong ba cõi, vẫn phải chịu trăm nghìn sinh tử cho nên nói chưa thoát.

Dẫn phẩm Quảng Thừa thành thân niệm xứ quán các pháp bất sinh bất diệt là nghĩa vô thường, kết thành tâm niệm xứ quán; nơi ngã, vô ngã mà bất nhị là nghĩa vô ngã, kết thành pháp niệm xứ quán, là ý của Thông giáo.

Nếu đem phi thường phi vô thường kết thành thường, phi cấu phi tịnh kết thành tịnh, phi khổ phi lạc kết thành lạc, phi ngã phi vô ngã kết thành ngã tức là thường lạc ngã tịnh trong Biệt giáo đoạn hoặc cầu chứng.

Nếu đem phi cấu phi tịnh song chiếu cấu tịnh, phi khổ phi lạc song chiếu khổ lạc, phi thường phi vô thường song chiếu thường vô thường, phi ngã phi vô ngã song chiếu ngã vô ngã, kết thành Viên giáo viên tâm tu tập chẳng dứt phiền não mà vào niết-bàn.

Hôm nay không nói đến ba giáo tạng, thông, biệt mà chỉ lược dẫn. Nay lại rộng dẫn tứ niệm xứ của viên giáo để giúp người sau có niềm tin.

Tứ Niệm Xứ Quán ghi: “Tứ niệm xứ, niệm là quán tuệ”. *Đại Luận* nói: “Niệm, tướng, trí, đều là tên khác của một pháp. Ban đầu lục tâm gọi là niệm, kế tập hành gọi là tướng, sau cùng thành biện gọi là trí. Xứ là cảnh, đều chẳng lìa Tát-bà-nhã”. Trí năng quán chiếu mà thường tịch gọi là niệm. Cảnh sở quán tịch mà thường chiếu gọi là xứ. Cảnh tịch, trí cũng tịch; trí chiếu cảnh cũng chiếu, nhất tướng vô tướng, vô tướng nhất tướng chính là thật tướng. Thật tướng là nhất thật đế, cũng gọi là Phật tính bao la, cũng gọi là đại bát niết-bàn. Như thế cảnh trí không hai không khác, cảnh như như thì trí như như. Trí là cảnh, nói trí và trí xứ đều gọi là bát-nhã. Cũng như nói xứ và xứ trí đều gọi là sở đế. Cảnh của phi cảnh mà gọi là cảnh, trí của phi trí mà gọi là trí, cũng gọi là tâm tịch tam-muội, cũng gọi là sắc tịch tam-muội, cũng là minh tâm tam-muội, cũng là minh sắc tam-muội.

Kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Thân phát ra ánh sáng đại trí như thiêu đốt núi tử kim”. *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Quang minh chính là trí tuệ”. *Kinh Kim Quang Minh* nói: “Bất khả tư nghì trí cảnh, bất khả tư nghì trí chiếu”.

Các kinh này đều nói niệm chỉ là xứ, xứ chỉ là niệm; sắc tâm không hai, hai mà chẳng hai, nhưng vì hóa độ chúng sinh nên tạm gọi là hai vậy.

Quán huệ này chỉ quán tâm nhất niệm vô minh của chúng sanh, tâm này chính là pháp tính. Vì do nhân duyên sinh ra tức không tức giả tức trung, một tâm ba tâm, ba tâm một tâm. Quán này cũng gọi là nhất thiết chủng trí, cảnh này cũng gọi là nhất viên đế, một đế ba đế, ba đế một đế. Chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở thế gian muốn cho chúng sinh khai ngộ tri kiến Phật, chư Phật ra đời các việc đầy đủ. *Kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Vương đạo bình yên phẳng lặng”. *Kinh Vô Lượng Nghĩa* ghi: “Đi trên đường thẳng rộng lớn không chướng ngại”. *Kinh Pháp Hoa* ghi: “Đạo đầy đủ tuy nói ba trí thật ra chỉ là nhất tâm, vì muốn cho người dễ hiểu nên nói là ba”. Nói theo giáo đạo thì chỗ dứt phiền não giống như

lật đổ mặt đất thì sông biển đều nghiêng ngả, như xô ngã đại thụ thì cành rễ đều bật gốc. Dùng trí này đoạn lậu hoặc cũng như thế, trần sa vô minh trong Thông giáo, Biệt giáo đều thanh tịnh, vô lượng công đức, các ba-la-mật, vạn hạnh pháp môn đầy đủ không suy giảm, Phật pháp bí tạng đều hiện ra trước.

Kinh Đại Phẩm nói: “Các pháp tuy không nhưng nhất tâm đầy đủ muôn hạnh”. *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Phát tâm và cứu cánh hai thứ không khác”. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Vì gốc ngọn cứu cánh bình đẳng nên gọi là đạo bình đẳng diệu giác”. Chúng ta nên biết tuệ này là cội nguồn của tâm linh pháp giới, là pháp hải vô thượng của chư Phật ba đời. Vì pháp thường nên chư Phật cũng thường, lạc ngã tịnh cũng như thế, cũng gọi là bảo sở, cũng gọi là bí tạng, là nơi quy hướng của tất cả chư Phật.

Con đường Tạng giáo nhỏ hẹp không thể cùng đi được; Thông giáo cùng tiếp nhận, cùng đi, cùng vào mà không được sâu; Biệt giáo quanh co xa xôi không thể đến được. Nay niệm xứ này rộng lớn như hư không không giới hạn nên gọi là tứ niệm xứ của Viên giáo. Trương Hoàn nói: “Sếu bay nhanh còn chẳng kịp hưởng chi chim sẻ, chim sâu?” Ta nên biết ba niệm xứ ở trước không thể sánh bằng, chỉ có niệm xứ Viên giáo siêu việt như cánh chim bay vút lên trời xanh vô thượng, vô đẳng vô đẳng đẳng. Không gì cao hơn nên gọi là vô thượng; không gì rộng bằng nên gọi là vô đẳng; đồng với chư Phật mười phương ba đời nên gọi là vô đẳng đẳng.

Để thành lập nghĩa này nên dẫn ra Duy Thức luận của ngài Thiên Thân chỉ là một thức. Lại có phân biệt thức và vô phân biệt thức.

Phân biệt thức là thức thức, vô phân biệt thức tựa như trần thức. Những vật chất trong pháp giới như: bình, áo, xe... đều là vô phân biệt thức. Long Thọ nói: “Tứ niệm xứ là ma-ha-diễn, ma-ha-diễn là tứ niệm xứ”. Tất cả pháp xu hướng thân niệm xứ là một tính. Sắc có phân biệt sắc, vô phân biệt sắc. Phân biệt sắc như nói quang minh (ánh sáng) là trí huệ; vô phân biệt sắc là sắc do tứ

đại tạo, đều là vô phân biệt v.v... là sắc tâm không hai; kia đã được đặt tên hai thức thì đây cũng đặt ra thuyết hai sắc. Nếu sắc tâm đối nhau, là sắc không tâm, là tâm không sắc. Nếu chẳng có phân biệt sắc vô phân biệt sắc thì làm sao có phân biệt thức vô phân biệt thức? Nếu nói theo Viên giáo thì cũng được duy sắc, duy thanh, duy hương, duy vị, duy xúc, duy thức. Nếu nói chung thì mỗi mỗi pháp đều đầy đủ pháp giới. Vì các pháp đồng nên bát-nhã bình đẳng; vì sự soi chiếu bên trong đã đồng thì sự giáo hóa bên ngoài cũng như nhau, tức là bốn giáo tùy theo chúng sinh tình chấp có khó dễ. *Luận Đại Trí Độ* nói: “Tất cả pháp đều không thì cần gì dùng mười dụ”.

Đáp: Không có hai thứ: Một là không khó hiểu, hai là không dễ hiểu. Mười dụ là cái không dễ hiểu. Nay đem cái không dễ hiểu dụ cho cái không khó hiểu. Duy thức ý cũng như thế. Chỉ căn cứ duy thức thì đầy đủ tất cả pháp môn mà chúng sinh có hai thứ: một là đa số đắm trước ngoại sắc, hai là thiếu số đắm trước nội thức. Như cõi trên đa số đắm trước nội thức, hai cõi dưới phần nhiều đắm trước ngoại sắc, số ít đắm trước nội thức, như người có học vấn đa số được sự hiểu biết bên ngoài. Nếu theo Duy thức luận phá ngoại hướng nội khiến quán sáng tỏ, các pháp trong pháp giới đều là một thức, thức không thì mười pháp giới không, thức giả thì mười pháp giới giả, thức trung thì mười pháp giới trung, chuyên dùng nội tâm phá tất cả pháp. Nếu ngoại quán mười pháp giới liền thấy nội tâm, nên biết hoặc sắc hoặc thức đều là duy thức; hoặc thức hoặc sắc đều là duy sắc. Nay tuy nói hai tên sắc tâm nhưng thật ra chỉ có một niệm vô minh pháp tính. Mười giới tức là bất khả tư nghì, nhất tâm đầy đủ tất cả, một câu “nhân duyên sở sinh pháp” nên gọi là nhất niệm vô minh pháp tính tâm. Nếu nói rộng ra bốn câu thành một bài kệ tức là tâm do nhân duyên sinh tức không tức giả tức trung, cho nên kinh Bát-nhã nói: “Thọ trì một bài kệ bốn câu thì đồng với mười phương hư không”. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Nghe một bài kệ cũng như được thọ ký bồ-đề”. Một câu đã vậy thì ba câu cũng như thế. Nay chỉ tu quán nhất tâm này là bất khả tư nghì, mười giới luôn

hiện tiền vào pháp môn tâm địa, vì thế mới có thể không rời khỏi đạo tràng tịch diệt mà hiện thân nơi tám hội. Chỉ là một câu, trong một câu có vô lượng, trong vô lượng chỉ có một câu, vì là bất tư nghì. Như tâm và chư Phật đã vậy thì Phật và chúng sinh cũng thế. Tâm, Phật và chúng sinh là ba thứ không sai biệt. Sự giải thoát của chư Phật phải tìm nơi tâm chúng sinh, tâm chúng sinh cũng tìm nơi sự giải thoát của chư Phật, đây mới là bát-nhã cứu cánh. Kẻ chưa thấu rõ tất cả pháp chính, tất cả pháp tà nếu không dùng tâm phân biệt thì tất cả pháp thành chính; nếu dùng tâm phân biệt thì tất cả pháp thành tà. Tâm khởi tướng là si mê, tâm không khởi tướng là niết-bàn. Cái bất tư nghì này chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, vuông, tròn, dài, ngắn, vô danh, vô tướng cứu cánh tịch diệt; chỉ có tâm biết chứ miệng không thể nói. Nếu có nhân duyên, phương tiện khéo léo, dùng tứ tất-đàn cũng có thể nói được, vì chúng sinh trong vô lượng kiếp tự tính chẳng bị phiền não làm ô nhiễm mà ô nhiễm, khó thể biết. Mê vọng gọi là nhiễm, nhiễm thì che lấp tâm chẳng thấy tính thanh tịnh, cho nên ở mãi trong sinh tử không thể trở về nguồn cội, thực sự khó hiểu, nhị thừa còn không nghe tên hưởng chi phàm phu. Nay Phật làm tập nhân như thời đức Phật Đại Thông nói hạt châu trên búi tóc, đến thời đức Phật Thích-ca mới thành tựu quả thật khiến cho chúng tử này dần dần tích tập, về sau gặp âm thanh ánh sáng mới phát sinh chúng tử này, chuyển phàm nhập Thánh, tích chứa công đức, đầy đủ tâm đại bi đều đã thành Phật đạo. Nếu không như thế thì vô minh che lấp pháp tính, sinh ra ngũ âm của mười pháp giới, mê muội càng thêm chông chát. Nếu có thể vượt lên giác ngộ, khởi lên ngũ âm nhị thừa cho đến Phật âm. *Kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Tâm như người họa sĩ
Vẽ các thứ ngũ âm
Trong tất cả thế gian
Không gì chẳng tâm tạo.*

Các ám chỉ do tâm tạo, quán xét tâm vô minh rất ráo không có thật nhưng hay sinh ra các ám của mười pháp giới, đây chính là bất tư nghì. Như *kinh Pháp Hoa* nói: “Một niệm tâm hành trong chiêm bao là nhân để được quả, trong giấc ngủ một niệm tâm vô minh cùng với pháp giới tính hợp khởi vô lượng phiền não. Thấy được phiền não này là được pháp tính”.

Hỏi: Biệt giáo và Viên giáo nghĩ thế nào về ví dụ này ?

Đáp: Biệt giáo thì ba lớp không giả trung lần lượt riêng nhau thực hiện, Viên giáo thì một niệm đầy đủ tất cả như hạt cải chứa cả núi Tu-di nên gọi là bất tư nghì. Trong một hạt bụi nhỏ chứa quyền kinh lớn bằng đại thiên, người trí đập vỡ hạt bụi lấy ra quyền kinh. Một tâm niệm vô minh này có pháp phiền não, có pháp trí tuệ. Phiền não là ác trần, thiện trần, vô kí trần mở ra pháp thân bát-nhã giải thoát. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Nhu thế tính tướng bình đẳng thì một cội mười cội trăm nghìn cội rất ráo đều bình đẳng”.

Nay quán xét tâm vô minh này sinh ra từ đâu ? Là từ vô minh hay là từ pháp tính, là cộng hay là ly ? Hoặc tự hoặc tha bốn thứ đều bất khả đắc, gọi là không giải thoát môn. Chỉ quán xét tâm tính là hữu, là vô, là cộng, là ly, hoặc thường, hoặc đoạn bốn thứ điên đảo bất khả đắc gọi là vô tướng giải thoát môn. Quán xét tâm tính này là chân, là duyên, là cộng, là ly, chẳng phải tứ cú làm ra gọi là vô tác giải thoát môn.

Vô sinh mà nói sinh là tính tướng của mười pháp giới. Tính vô minh là thật tính, còn nói vô minh là minh, minh cũng bất khả đắc, đây là vào pháp môn bất nhị, chỉ vì chúng sinh mê lầm điên đảo, không thấy sự vô tâm của tâm mà minh trở thành vô minh.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Sau đó chẳng bao lâu nhà vua bệnh trở lại, thầy thuốc cho rằng bệnh nhà vua nhất định phải dùng sữa”. Vua là dụ cho tám thứ điên đảo của chúng sinh. Sau đó bệnh trở lại là ban đầu chế phục sự điên đảo, về sau sự điên đảo phát khởi cho nên nói chẳng bao lâu. Nhất định phải uống sữa là phải truyền trao phương pháp tứ vinh; đúng là ý nghĩa của tứ niệm xứ.

Lại như có kẻ lấy chất độc thoa lên mặt trống rồi đánh lên, người ở gần thì chết tức khắc, người ở xa thì từ từ chết. Sau đó đánh trống độc lên kẻ xa người gần đều chết. Ban đầu thoa thuốc tứ khô (bốn cây héo) chỉ héo từng phần nên nói chưa chết ngay. Nay thoa thuốc tứ vinh (bốn cây tươi) gốc vô minh đoạn nên nói xa gần đều chết, cũng là ý nghĩa của tứ niệm xứ.

Lại nói như chim sỏ lồng ra khỏi lưới bay cao xa chạy tự tại, cũng là ý nghĩa của tứ niệm xứ.

Lại nói ban đầu sinh tử khô héo không thể làm rạng rỡ Phật pháp, không thể khai ngộ chúng sinh, đối với Phật pháp không công phu, đối với chúng sinh không lợi ích nên nói khô song thọ. Nay hiển bày Phật pháp một cách trọn vẹn, lợi ích chúng sinh. Hễ có tâm đều sẽ thành Phật, tám nghìn Thanh văn được thấy Phật tính, như vào mùa thu thì thu hoạch, mùa đông thì cất chứa để rồi trở thành những quả chắc to lớn vào mùa xuân, cho nên nói tứ vinh trang nghiêm song thọ.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Không cho ăn bã rượu, cám lúa mì, không cùng bày với lũ trâu đực, chẳng ở nơi cao nguyên cũng chẳng ở thung lũng”. Thung lũng là bốn thứ điên đảo của phàm phu tà đạo; cao nguyên là bốn thứ điên đảo của hàng nhị thừa thiên chấp; bã rượu là ngu si, cám lúa mì là sân khuê; trâu đực là tham dục, lựa chọn chỗ bằng phẳng cho những đứa con ở yên ổn.

Kinh Pháp Hoa nói: “Bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng”.

Lại Phật pháp mãi sau này cần phải nói cái chân thật. Cái chân thật chẳng phải sinh tử, chẳng phải niết-bàn, không thêm không bớt, không xa rời không trái nghịch. Ôi, bậc trượng phu thị hiện ngày xưa giấu hạt châu trên búi tóc, tiếc thay thành báu của Như Lai gần bên! Thế nên từ bản thể thị hiện ra nhiều thân để tế độ chúng sinh cùng với pháp thân làm quyến thuộc, ẩn thật nêu quyền, giấu cao bày thấp, cùng hóa độ chúng sinh mở bày chính

đạo, kín đáo bên trong, hiển hiện bên ngoài khai thị để được vào nơi vi diệu, đây chính là tứ niệm xứ.

Số bốn là con số bất khả tư nghì. Một là vô lượng, vô lượng là một, mỗi mỗi đều là pháp giới. Tam đế đầy đủ gồm tất cả pháp, ngoài pháp giới ra không còn pháp nào nữa. Pháp giới không phải pháp giới mà đầy đủ pháp giới. Tuy không có pháp mà đầy đủ các pháp là con số bất tư nghì. Trong *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Một vi trần đầy đủ tất cả trần và tất cả pháp. Một niệm đầy đủ tất cả niệm và tất cả pháp”. Trần là sắc, niệm là tâm. Sắc tâm chính là tên khác của niệm xứ.

Kinh Đại Phẩm nói: “Tứ niệm xứ là ma-ha-diễn, ma-ha-diễn là tứ niệm xứ”. Đối với một niệm xứ thì ba niệm xứ không hai không khác một niệm xứ. Tất cả pháp đều hướng về tứ niệm xứ, không gì qua tứ niệm xứ. Niệm xứ còn bất khả đắc thì tại sao có sự xu hướng hay không xu hướng, đây cũng là ý nghĩa bất tư nghì.

Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Quán tâm vô tâm, pháp chẳng trụ pháp gọi là đại sám hối”. Quán tâm đã thế, quán sắc cũng vậy. *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Phật tính là cũng một, chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải chẳng một”.

Cũng một vì tất cả chúng sinh đều là nhất thừa. Chẳng phải một vì nói tam thừa. Chẳng phải một chẳng phải chẳng một là số phi số không quyết định. Thế nên phải biết đối với con số bốn không thể quyết định là số bốn bất tư nghì. Cho đến nếu hành đạo mà không y theo tứ niệm xứ trong Tông Cảnh, cho dù trí giải tu hành đều thành ngoại đạo. Do đó nói nếu không có niệm tuệ thì tất cả hạnh pháp đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải người hành đạo, đều là uổng cạo tóc như kẻ chẵn râu; mặc áo nhuộm sông như lá cờ treo trên cột; tuy cầm bình bát tích trượng mà như người bệnh xin thuốc; tuy đọc tụng kinh điển như người mù đọc thuộc lòng; tuy lễ bái như cái chày giã gạo; tu hành như kẻ làm thuê trồng trọt mua bán; trầm luân sinh tử như con tằm làm kén tự trời buộc không biết khi nào ra khỏi. Xả bỏ thân mạng tài vật chỉ được gọi là

bồ thí chẳng phải ba-la-mật. Tuy trì giới mà không tránh khỏi làm con chó con gà. Tuy tinh tiến nhưng chỉ có hình thức bên ngoài. Tuy ngồi thiền nhưng bất động như cội cây; tuy hiểu biết nhưng là trí huệ cuồng điên, thường ở bờ này không đến được bờ kia, chẳng hàng phục ái kiến, chẳng phá trừ chấp tướng, chẳng vào được đạo phẩm, không phải ngôi vị hiền Thánh, không thành tựu bốn quả thánh Thanh văn chẳng phải ba-la-mật. Vì sao ? Vì không có niệm tuệ. Bởi niệm tuệ hay phá tà hiển chính.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Theo cữ y, sữa kỳ thực là thuốc độc, như con mồi ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, con mồi đâu biết là chữ hay không phải chữ”. Tân y từ phương xa đến biết rõ tám thứ thuật, đó là tứ khô tứ vinh, dùng tân tứ khô phá trừ quan điểm về sữa của cữ y. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Lửa lớn bùng khởi từ bốn phía”, chính là ý này. Cho nên tám thứ dị thuật phá trừ cái mê của tám thứ điên đảo, diệu môn nhất tâm vào chủng trí nhất thừa.

Hỏi: Pháp tính bình đẳng nhất thừa diệu tâm này tất cả chúng sinh, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật thấy đều sẵn có, tại sao đối với loài dị sinh một linh tính này niệm niệm ở trong luân hồi ? Hàng Thanh văn cùng ở trong một pháp mà chẳng được việc này ?

Đáp: Như vàng trong đá do tinh luyện mà thành. Người có phước lớn thì được vàng, người có phước trung bình thì được bạc, người phước ít thì được đồng. Việc này cũng thế, phàm phu chỉ được vô minh phiền não, hàng Thanh Văn chỉ chứng vô thường sinh diệt, chỉ có Phật, Bồ-tát rốt ráo được thường lạc niết-bàn. *Kinh Đại Tập* nói: “Như dụng cụ để thắp đèn, nếu bằng vàng thì phát ra ánh sáng màu vàng, nếu bằng đồng thì phát ra ánh sáng màu đỏ. Màu sắc tuy khác song đèn không sai biệt. Pháp giới cũng vậy, chư Phật thắp lên thì ánh sáng trí tuệ vô biên, hàng Thanh văn thắp lên ánh sáng trí tuệ có giới hạn nhưng pháp giới tính thực sự không sai biệt. Và lại tâm là một pháp vi diệu u huyền sự hiểu biết có cạn sâu, trí chia ưu liệt, phải nhờ học rộng mới đến được nguồn pháp”. *Kinh Pháp Hoa*

nói: “Nếu không tu tập thì không thể thấu rõ việc này”. Ngoại thư nói: “Ngọc không mài dũa thì không thành đá quý, người chẳng học thì chẳng biết đạo lý”. Chỉ cần bền chí luôn lắng nghe những gì chưa nghe, huân tu thì quán lực càng sâu, rèn luyện thì hạnh môn càng tịnh, thường khởi ý tưởng khó gặp thì đạo nghiệp luôn mới, giữ mãi tâm vui thích thì không bao giờ thoái chuyển. Cho nên *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Bồ-tát ngày đêm chỉ mong được nghe pháp, hỉ pháp, lạc pháp, y pháp, tùy pháp, giải pháp, thuận pháp, đảo pháp, trụ pháp, hành pháp. Bồ-tát siêng cầu Phật pháp như thế nên đối với của cải tiền bạc đều không bỏn xẻn, không thấy có vật quý giá để trọng mà chỉ sinh khởi ý tưởng khó gặp đối với người có thể giảng nói Phật pháp. Thế nên Bồ-tát đối với nội ngoại tài vì cầu Phật pháp nên Bồ-tát hay thí xả; không có sự cung kính nào mà chẳng làm; không có sự kiêu mạn nào mà chẳng bỏ; sẵn sàng gánh vác mọi việc làm; không có sự siêng năng khổ nhọc nào mà không nhận. Hoặc nghe một câu pháp chưa từng nghe mừng rỡ vô cùng, hơn cả khi được trân bảo đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Hoặc nghe một bài kệ chính pháp chưa từng nghe vô cùng hoan hỉ hơn cả khi được ngôi Chuyển luân vương. Hoặc được một bài kệ chưa từng nghe có thể làm thanh tịnh hạnh Bồ-tát, hơn cả được địa vị Đế Thích, Phạm Vương sống vô lượng trăm nghìn kiếp. Hoặc có người nói ta có một câu Phật dạy có thể làm thanh tịnh các hạnh Bồ-tát nếu bây giờ ông có thể nhảy vào hầm lửa chịu đau khổ vô cùng thì ta sẽ tặng cho. Khi ấy vị Bồ-tát nghĩ ta vì một câu Phật dạy làm thanh tịnh các hạnh Bồ-tát thì dù nhảy từ trời Phạm thiên xuống tam thiên đại thiên thế giới đầy lửa huống chi không thể nhảy vào hầm lửa nhỏ bé sao! Vậy ta nay vì cầu Phật pháp phải chịu tất cả các khổ địa ngục huống chi những sự khổ nhỏ nhất ở thế gian. Bồ-tát phát tâm tinh tiến cầu Phật pháp như thế đúng như sự nghe thấy kia mà quan sát tu hành. Bồ-tát ấy được nghe pháp rồi liền nhiếp tâm an trụ nơi vắng vẻ và tư duy, tu hành đúng như lời dạy bền được Phật pháp, chẳng phải chỉ có lời nói mà được thanh tịnh”.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có bài tụng nói:

*Biển trí rộng khó lường,
Chẳng biết nên phi báng,
Trâu uống nước thành sữa,
Rắn uống nước thành độc.
Trí học thành bò-đề.
Ngu học thành sinh tử.
Như thế chẳng biết rõ,
Đây do lỗi ít học.*

Kinh Đại Niết-bàn có bài kệ nói:

*Có người uống cam-lộ,
Hại mạng mà chết yếu.
Có kẻ uống cam-lộ,
Thọ mạng được dài lâu.
Có người uống độc sống,
Có kẻ uống độc chết.
Trí cam-lộ vô ngại
Là kinh điển đại thừa
Kinh điển đại thừa ấy
Cũng gọi tạp độc dược
Như tô-lạc, đề-hồ
Cùng các thứ thạch mật
Uống tiêu được là thuốc,
Uống không tiêu là độc.
Phương Đẳng cũng như thế,
Người trí là cam-lộ,
Ngu chẳng biết Phật tính
Uống vào trở thành độc.*

Như tính lửa trong gỗ, chất béo trong sữa nếu duyên chưa đủ thì có cũng như không. Phật tính của chúng sinh cũng như thế, không học không biết chẳng phải không thành Phật. Như *kinh Kim Cang Tam-muội* nói: “Bồ-tát Địa Tạng nói này tôn giả, biết có nhưng

chẳng phải thật như sóng nắng; biết thật chẳng phải không như tính lửa trong gỗ. Quán như thế mới là người trí”.

Luận giải thích: Như kinh nói nếu cho rằng pháp có như sóng nắng; nếu cho rằng pháp không có như kẻ mù không thấy mặt trời, cho nên biết thật chẳng phải không. Ý nghĩa chẳng phải không như tính lửa trong gỗ, nghĩa là trong gỗ có tính lửa song phân tích tìm cầu thì không thấy tướng lửa mà thật ra chẳng phải không. Tính lửa trong gỗ do ma sát lửa xuất hiện. Nhất tâm cũng thế, phân tích các tướng nhưng không thấy được tâm tính mà thật ra chẳng phải không, tu đạo tìm cầu thì nhất tâm hiển hiện. Thế nên trong loài hàm thức từ vô thỉ đến nay trong bị ngũ ám trói buộc, ngoài bị lục trần kìm kẹp, nơi nơi hiện cảnh, ghé mắt sinh tình, như tứ chi và đầu con vượn bị dính chặt, tợ côn trùng đậu trên các trần. Do đó cái thấy không vượt qua sắc trần, cái nghe chẳng ngoài thanh trần như cá mắc lưới, chim trong lồng; tiến thoái đều trở ngại như con dê húc vào hàng rào đâm ra sợ hãi, như chim yến trong kén. Nếu có thể biết trần là thức, rõ vật chỉ là tâm thì không bị thời gian chi phối, làm sao bị không gian xoay chuyển, là có thể tùy duyên ứng hiện, theo cơ cảm mà đến, chẳng rời đạo tràng mà phân thân khắp pháp giới, thường ở đây mà hằng ở kia, chẳng ở phương này mà chẳng lìa phương này. Vào tông môn rộng lớn như thế, hiểu được giáo tích sai biệt, thấu suốt cội nguồn bình đẳng, như núi Kim Cương thuần hiện ánh sáng màu vàng, như sư tử chúa được đồng loại vây quanh, như núi Ma-lợi sản xuất chiêm-đàn, như rừng Chiêm-bạc chỉ nghe mùi thơm, như phía nam núi Tu-di chẳng hiện tạp hình, như dòng sông Kim Sa không còn quanh co uốn khúc, như sức mạnh của búa kim cương khiến mọi suy nghĩ đều không, như mặt trời soi sáng khắp vạn vật. Trong phẩm Nhập Pháp Giới có bài tụng nói về các cảnh giới trong rừng Thệ-đa:

*Ông nên quán sát rừng Thệ-đa,
Do thân lực Phật rộng vô biên
Tất cả trang nghiêm đều thị hiện,*

*Mười phương pháp giới đều đầy khắp
Tất cả cõi nước trong mười phương
Vô biên phẩm loại được trang nghiêm
Ở nơi các tòa trong cảnh giới.
Sắc tượng đều hiển hiện rõ ràng.*

Lại như đồng nữ Từ Hạnh trong điện Tỳ-lô-giá-na tạng, trong mỗi bức tường, trong mỗi cây cột, trong mỗi tấm gương, trong mỗi tượng, trong mỗi hình, trong mỗi báu ma-ni, trong mỗi đồ trang sức, trong mỗi chuông vàng, trong mỗi cây báu, trong mỗi hình tượng báu, trong mỗi báu anh-lạc, đều thấy tất cả Như Lai trong pháp giới từ lúc mới phát tâm tu hạnh Bồ-tát đến khi thành tựu đại nguyện đầy đủ công đức, thành đẳng chính giác chuyển diệu pháp luân, cho đến thị hiện nhập niết-bàn. Ảnh tượng như thế thấy đều hiện rõ như nước trong lạng sẽ thấy mặt trời, mặt trăng tinh tú trong hư không.

Lại như trong nhà trưởng giả Pháp Bảo Kế có Bồ-tát được vô lượng phước đức bảo tạng giải thoát môn. Nhà ấy rộng lớn mười tầng tám cửa. Thiện tài bước vào lần lượt quan sát, thấy tầng dưới cùng bày các thức ăn uống thấy tầng thứ hai bày các y báu, thấy tầng thứ ba bày tất cả đồ báu trang nghiêm, cho đến thấy tầng thứ mười tất cả Như Lai đầy khắp trong đó từ mới phát tâm tu hạnh Bồ-tát đến siêu xuất sinh tử thành tựu đại nguyện và sức thần thông, thanh tịnh cõi Phật, chúng hội đạo tràng, chuyển chính pháp luân, điều phục chúng sinh. Những điều này đều được trông thấy rõ ràng.

Giải thích: Rừng Thệ-đa mênh môn, tạng Giá-na hiển hiện, nhà của Bảo Kế rộng lớn đều là tâm bất tư nghì dung nhiếp vô ngại. Mười tầng là mười ba-la-mật, tám cửa là bát chính đạo phần, cho đến thị hiện Phật sự trong tất cả đồ vật trang nghiêm đều là pháp môn nhất tâm, thể dụng trùm khắp trùng trùng hiển đạo, mỗi mỗi nêu tông; vì người mê không ngộ chẳng biết cố chấp nên là duyên là đối như kẻ mù chẳng thấy chứ không phải không có hình dạng

của năm sắc, như điếc chẳng nghe chứ nào bật tiếng vang của ngũ âm. Lại như âm thanh trong rừng Thệ-đa hàng Thanh văn chẳng biết, trong nước sông Hằng ngạ quỷ không thấy, đều là do nghiệp của mình làm chướng ngại, chẳng phải pháp ẩn giấu. Nay khuyên người chưa tỉnh ngộ thấy nghe vào ngay như trong hang nghe tiếng vang hoàn toàn không có âm thanh nào khác; như trong gương thấy bóng không còn thấy bóng nào khác, tự dứt sạch suy lường, hiện chứng không còn nghi ngờ thì còn cái gì trước sau có thể nói là còn cách xa bậc Thánh chẳng? Thế hội nó là thần, đạo nào có xa? Chạm việc liền nhận ra chân thật.

Hỏi: Đã lấy chân tâm làm chủ làm gốc, tại sao nói đến công năng của nó lặng lẽ thường trụ tận cùng vị lai?

Đáp: Tâm pháp này vi diệu như thần không thể lường, không nương không gá, không xưa không nay, chỉ là có mà chẳng thể thấy nghe, không phải một bề không tịch, tịch chứa diệu dụng vô tận chẳng đoạn chẳng thường, đủ sự linh thông khó lường phi ẩn phi hiển. Cổ đức nói: Tuy niết-bàn lặng lẽ mà trí thể chẳng không, nếu không thể thì làm sao tận cùng vị lai, cho nên biết tâm này là gốc của phàm Thánh tận cùng vị lai không đoạn dứt. Chư Phật thường chính niệm pháp này, Tổ sư chỉ hướng về tông này, đây là chân vô tướng thì chân làm sao có tận? Là đạo vô vi thì đạo nào có cùng? Như gió thổi qua hang vắng liên tục mà âm thanh vi vu không dứt; như tiếng vang xa của hồng chung, cứ đánh vào là âm thanh phát ra mãi.

Luận Bảo Tạng nói: “Duy đạo vô căn linh chiếu thường tồn; duy đạo vô thể vi diệu hằng chân; duy đạo vô sự xưa nay đều quý; duy đạo vô tâm vạn vật đầy đủ”.

Giải thích: Hễ có căn thì có trụ, trụ thì vào nơi nhà tối như xỏ kim chẳng thấy trời, nhật kim chẳng thấy đất. Vô căn thì vô trụ như ánh sáng nhật nguyệt chiếu soi các hình sắc đây là linh chiếu thường tồn. Hễ hữu thể thì sai biệt chướng ngại; vô thể thì nhất tính thường thông, đây là vi diệu hằng chân. Hễ hữu sự thì bị tướng làm

hạn cuộc; vô sự thì tâm địa坦然 nhiên, đây là xưa nay đều quý. Hễ hữu tâm thì phân biệt chấp thủ; vô tâm thì nghịch thuận cùng về, đây là vạn vật đầy đủ. Khi đã đạt được tông thể thường trụ này tự nhiên tận cùng vị lai, không dùng nghỉ hạnh nghiệp của Phật, tức là hạnh Phổ Hiền thuận lợi tha, vô thí, vô chung, vô tận. Vì vậy *luận Bảo Tánh* có kệ:

*Thân Phật, bóng trong gương,
Như mặt đất lưu ly,
Chẳng phải không âm thanh.
Trống pháp trời vi diệu
Đều làm các pháp sự.
Như đám mưa lớn kia
Đem đến nhiều lợi ích,
Mặt đất đâu chẳng sinh
Tất cả các hạt giống.
Như Phạm thiên bất động
Chẳng phải chẳng thuận thực.
Như mặt trời sáng chói
Phá tan mọi tối tăm.
Như bảo châu như ý
Chẳng phải không hi hữu.
Cũng như các âm thanh
Chẳng phải không nhân duyên.
Như hư không mênh mông
Nơi chúng sinh nương tựa
Như mặt đất bao la
Chẳng phải không nắm giữ
Tất cả các sự vật,
Nhờ nương mặt đất ấy
Gánh vác các thế gian
Tất cả các sự vật.
Nương bờ-đề chư Phật*

*Có diệu pháp thế gian,
Thành tựu các bạch nghiệp,
Tứ thiên và tứ định,
Các Như Lai tự nhiên
Thường trụ các thế gian
Có các nghiệp như thế
Tất cả không trước sau
Tạo tác diệu nghiệp ấy.*

Vô Sinh Nghĩa nói: Nếu không có diệu thân chỉ thuần không tịch thì lẽ ra không có Phật xuất thế nói pháp độ sinh. Cho nên biết diệu thân sẵn có chẳng không chẳng đoạn cho đến Như Lai tuyên bố Phật tính gọi là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không là trí tuệ, trí tuệ là diệu thân, cho nên nói rằng nhân diệt. Đây là sắc được thường trụ giải thoát, cho nên biết trong như có chứa ngũ âm diệu sắc thường trụ bất động.

Thiên Thần Bất Diệt nói: “Thần là gì ? Là tinh cực mà linh”. Tinh cực thì chẳng phải chỗ suy tính của phong tượng, cho nên Thánh nhân dùng sự vật vi diệu làm lời nói. Tuy là bậc thượng trí vẫn không thể định đoạt, vì thể trạng của nó cực kỳ huyền bí.

Thần là viên ứng mà không chủ, diệu tận mà không tên; cảm vật mà động, mượn số vận hành; cảm vật mà phi vật nên vật hóa mà chẳng diệt; mượn số mà phi số nên số tận mà chẳng cùng. Có tình thì có thể cảm vật; có thức thì có thể cầu số. Số có tinh thô nên tính có khác biệt; trí có tối sáng nên sự chiếu soi chẳng đồng. Theo đây mà luận thì biết hóa dùng tình để cảm, thần dùng hóa để truyền. Tình là mẹ của hóa, thần là gốc của tình. Tình có đạo lý hòa hội với sự vật, thần có công năng biến đổi âm thầm. Chỉ cần triệt ngộ là trở về nguồn, mê lý là theo vật. Cho đến hoặc tụ tán nơi nhất hóa, không biết rằng thần đạo có diệu vật linh thiêng mà cho rằng tinh thô cùng hết, chẳng đáng thương sao ? Như lửa được truyền từ củi, cũng như thần được truyền từ hình hài. Kẻ quá mê tâm thì thấy hình hài mục rã ở một đời này liền cho rằng thần tình đều mất, như

thấy lửa tắt ở một khúc gỗ thì cho rằng tắt cả gỗ đều thế, cho nên biết rằng duyên tàn hình khô mà chân linh chẳng mất, như củi hết lửa tắt nhưng tính lửa vẫn thế. Duyên này tuy diệt ở đời này nhưng duyên kia lại khởi lên ở đời khác. Vì vậy *Bát-nhã Ngâm*: “Hình hài tuy tan rã, một vật mãi linh thiêng”; có thể nói rằng chân tâm lặng lẽ thường trụ.

Như *kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Biết tất cả pháp sở duyên của huyễn tâm nhiều vô lượng. Nay Phật tử, như châu như ý tùy theo sở cầu đều có tất cả. Người cầu vô tận ý đều đầy đủ mà thế lực của hạt châu không bao giờ thiếu dứt. Bồ-tát ma-ha-tát cùng như thế nhập tam-muội này biết tâm như huyễn sinh ra các pháp, cảnh giới bao trùm vô tận không thiếu, không dứt. Vì sao ? Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu hạnh trí vô ngại của Phổ Hiền, quan sát huyễn cảnh rộng lớn vô lượng, như ảnh tượng không có thêm bớt. Nay Phật tử, ví như phàm phu đều sinh tâm khác biệt, đã sinh, hiện sinh, chưa sinh không có ngăn mé, không dứt không hết. Tâm ấy lưu chuyển nối tiếp không dừng, bất khả tư nghì. Bồ-tát ma-ha-tát cũng như thế nhập tam-muội phổ huyễn môn này không có ngăn mé, không thể đo lường. Vì sao ? Vì thấu rõ phổ huyễn môn vô lượng pháp của Bồ-tát Phổ Hiền. Nay Phật tử, ví như Long vương Nan-đà Ma-na-tu và các vị Long vương khác lúc làm mưa giọt mưa như trọc bánh xe, tuy mưa lớn nhưng không bao giờ dứt, đây là cảnh giới vô tác của các vị Long vương”.

Lại nói: “Trong một niệm đều biết tất cả tâm chẳng phải là kho chứa cảnh giới tâm địa. Ở chỗ phi tâm thị hiện sinh nơi tâm, xa lìa ngôn ngữ an trụ trí tuệ, đồng với hạnh của Bồ-tát, dùng sức tự tại thị hiện thành Phật đạo tận thuở vị lai thường không dừng nghỉ, thành lập tất cả vọng tưởng ngôn thuyết của chúng sinh trong nhiều kiếp số, có thể thị hiện thần thông, nguyện lực”.

Giải thích: Đều biết tất cả tâm chẳng phải là kho chứa cảnh giới tâm địa, thức hành nơi cảnh gọi là tâm, trí hành nơi cảnh gọi là phi tâm, cho nên *kinh Lăng Già* nói: “Được tướng là thức, không

được tướng gọi là trí”. Cho nên biết Bồ-tát thuận theo vọng duyên mà chẳng bỏ thể pháp, trong phương tiện đều hay thị hiện tùy kiếp tăng giảm mặc cho duyên dài ngắn, nương gió đại nguyện nối nhau không dứt, cúng dường Phật lợi sinh không ngừng nghỉ. *Luận Hoa Nghiêm* ghi: “Bồ-tát Đăng giác địa thứ 11 với tâm đại từ bi đi vào thế tục tế độ chúng sinh, biểu lộ đã tự xuất thế, đạo hạnh viên mãn, không còn tâm cầu giải thoát là nhiễm là tịnh; chỉ dong thuyền pháp tính, trương buồm đại từ bi, lấy đại trí làm thuyền trưởng, thuận theo gió bản nguyện, giăng lưới ba-la-mật, thường dạo trên biển sinh tử, bắt cá chúng sinh chấp trước đặt để lên bờ trí vô y phổ quang minh, thường sinh tất cả huyễn, trụ nơi nhà báu pháp giới vô ngại vạn hạnh công đức, như lâu đài mà ngài Từ Thị đang ở”.
